

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 05 - 7 - 2022
“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và
Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Tơ Lul.
2. Ông Võ Công Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2021/TLST - DS ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST – DS, ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S;

Địa chỉ: 266-268 N, phường X, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Nhượng T. Chức vụ: Giám đốc S - Chi nhánh Gia Lai.

Địa chỉ: X T, phường H, thành phố K, tỉnh Gia Lai. (Theo Quyết định về việc ủy quyền hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3977/2020/QĐ-PL ngày 09/4/2021)

Bà Võ Thị Nhượng T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Trần Quốc V. Chức vụ: Phó Phòng giao dịch Chư Sê. (Theo Giấy ủy quyền số 149/QUQ-CNGL ngày 05/5/2021). Có mặt.

Địa chỉ: V, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Làng V, xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) S- Chi nhánh Gia Lai, Phòng giao dịch S (Ngân hàng) trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số LD1830000053, ngày 27/10/2018, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 01 ngày 06/9/2019 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 02 ngày 04/12/2019 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H đã vay của Ngân hàng số tiền 1.970.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng*) với mục đích sử dụng bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay là 12 tháng, hạn trả nợ là ngày 07/12/2020. Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 0,8 %, tại thời điểm bắt đầu tháng thứ tư kể từ ngày ký thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng VND lãnh cuối kỳ của S + Biên độ 3,2%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H đã thế chấp cho Ngân hàng những tài sản sau:

- Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 52, diện tích 3147 m², địa chỉ: Làng S, xã H, huyện S tỉnh Gia Lai đã được UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 501474 ngày 12/10/2010 mang tên ông Hoàng Thanh N và bà Phạm Thị M (Ngày 30/8/2019 chuyển nhượng cho ông Đặng Văn Đ, địa chỉ: Làng V, xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai).

- Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 50, diện tích 3936.64 m², địa chỉ: Làng S, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai đã được UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 951752 ngày 07/8/2009 mang tên ông Hoàng Thanh N và bà Phạm Thị M (Ngày 30/8/2019 chuyển nhượng cho ông Đặng Văn Đ, địa chỉ: Làng V, xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai)

- Thửa đất số 19a, tờ bản đồ số 50, diện tích 5149.91 m², địa chỉ: Làng S, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai đã được UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 951748 ngày 07/8/2009 mang tên ông Hoàng Thanh N và bà Phạm Thị M (Ngày 30/8/2019 chuyển nhượng cho ông Đặng Văn Đ, địa chỉ: Làng V, xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai)

- Thửa đất số 58b, tờ bản đồ số 3, diện tích 400,0 m², địa chỉ: thôn X, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai đã được UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 420464 ngày 14/8/2013.

- Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 20, diện tích 19800 m², địa chỉ: Làng V, xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai đã được UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R760700 ngày 05/3/2001.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1030/2018/PGD-CS ngày 28/11/2018; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1031/2018/PGD-CS ngày 28/11/2018 được công chứng ngày 28/11/2018 tại Văn phòng công chứng S, tỉnh Gia Lai; Hợp đồng thế chấp tài sản số 673/2019/PGD-CS ngày 06/9/2019 được công chứng ngày 28/11/2018 tại Văn phòng công chứng S và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01

ngày 04/12/2019 được công chứng ngày **04/12/2019** tại Văn phòng công chứng S, tỉnh Gia Lai.

Ngoài các hợp đồng tín dụng trên giữa Ngân hàng và ông Đặng Văn Đ còn ký kết những hợp đồng sau:

- Ngày 16/12/2014 ông Đặng Văn Đ được ngân hàng cấp thẻ tín dụng. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Đặng Văn Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*), với mục đích là tiêu dùng cá nhân, cho đến thời điểm khởi kiện thẻ tín dụng đã quá hạn với số tiền 11.155.689 đồng (*mười một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*).

- Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD 1921300452 (gọi tắt là Hợp đồng tín chấp) vào ngày 01/8/2019 (cho vay tiêu dùng không áp dụng biện pháp bảo đảm), số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), mục đích cho vay tiêu dùng nhanh, thời hạn cho vay 24 tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 01/8/2021.

Sau khi ký kết các Hợp đồng trên, ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H đã nhận đủ số tiền 1.970.000.000 đồng (*một tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng*), ông Đặng Văn Đ đã nhận số tiền vay tín chấp 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) đồng thời cũng kích hoạt sử dụng thẻ với hạn mức là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Đối với các hợp đồng tín dụng, từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H chưa thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận và vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc vào ngày 07/12/2020. Toàn bộ số nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn.

Đối với thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*). Trong quá trình tín dụng ông Đ đã thanh toán xong nên ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 11.155.689 đồng (*mười một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*).

Đối với Hợp đồng tín chấp số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*). Trong quá trình tín dụng ông Đ đã trả được 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc và tiền lãi đến ngày 01/01/2021 là 4.439.198 đồng (*bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn một trăm chín mươi tám đồng*). Tại đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu ông Đ và bà H phải có trách nhiệm trả số nợ này, tuy nhiên ngân hàng nhận thấy bà H không ký vào hợp đồng vay tiền hơn nữa mục đích ông Đ vay số tiền này là dùng vào việc tiêu dùng cá nhân, nên ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng số nợ này.

Ngân hàng đã nhiều lần mời làm việc nhưng ông Đ và bà H không đến, không có mặt tại nơi cư trú thể hiện thái độ trốn tránh, không muốn hợp tác, không có thiện chí trong việc trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Gia Lai thông qua Phòng giao dịch S yêu cầu tòa án giải quyết các khoản tiền sau:

Buộc ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ S - Chi nhánh Gia Lai thông qua Phòng giao dịch S khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1830000053, ngày 27/10/2018, thỏa thuận sửa đổi, bổ

sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 01 ngày 06/9/2019 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 02 ngày 04/12/2019: Nợ gốc là 1.970.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tính từ ngày 07/12/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 675.870.938 đồng (*Sáu trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn chín trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó, nợ lãi trong hạn được tính 07/12/2019 cho đến ngày 06/12/2020 là 193.793.534 đồng (*Một trăm chín mươi ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi tư đồng*); nợ lãi quá hạn được tính từ ngày 07/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 451.548.281 (*Bốn trăm năm mươi một triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm tám mươi một đồng*) và lãi phạt được tính từ ngày 07/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 30.529.123 đồng (*Ba mươi triệu năm trăm hai mươi chín nghìn một trăm hai mươi ba đồng*). Tổng cộng: 2.645.870.938 đồng (*Hai tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn chín trăm ba mươi tám đồng*).

Trường hợp ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H không trả được nợ, yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Trường hợp sau khi ngân hàng bán tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền nợ gốc, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí Tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Buộc ông Đặng Văn Đ phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Gia Lai thông qua Phòng giao dịch S khoản nợ của Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD 1921300452: Nợ gốc là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tính từ ngày 02/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.393.537 đồng (*Bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ lãi trong hạn theo hợp đồng được tính 02/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 2.159.589 đồng (*Hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng*); nợ lãi quá hạn được tính từ ngày 02/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 1.971.785 đồng (*Một triệu chín trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*) và lãi phạt được tính từ ngày 07/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 262.763 đồng (*Hai trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng*). **Tổng cộng: 14.393.537 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*).**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H theo đúng quy định của Pháp luật nhưng ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi nên Tòa án không lấy được ý kiến của ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn là đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về phần nội dung: Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ các Điều 280, 322, 357, 463, 466, 467, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: buộc ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H phải trả cho ngân hàng 1.970.000.000 đồng (*một tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng*) nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính từ ngày 07/12/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 675.870.938 đồng (*sáu trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn chín trăm ba mươi chín đồng*). Tổng cộng: 2.645.870.938 đồng (*Hai tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn chín trăm ba mươi tám đồng*).

Trường hợp ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H không trả được nợ, yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Trường hợp sau khi ngân hàng bán tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền nợ gốc, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí Tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 501474; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 951752 ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 951748; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 420464; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R760700 theo Hợp đồng thế chấp giữa các bên khi ông bà thanh toán hết nợ.

Buộc ông Đặng Văn Đ phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tính từ ngày 02/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.393.537 đồng (*Bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*). Tổng cộng: 14.393.537 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*).

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 11.155.689 đồng (*mười một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*).

Buộc bị đơn phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 17/4/2021 Ngân hàng thương mại cổ phần S - chi nhánh Gia Lai,

Phòng giao dịch S (ngân hàng) có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai giải quyết “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”, giữa: Ngân hàng với bị đơn ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H. Làng V, xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 11.155.689 đồng (*mười một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*) mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Việc rút đơn này hoàn toàn là tự nguyện do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Hằng phải trả số nợ của Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD 1921300452 (gọi tắt là Hợp đồng tín chấp) vào ngày 01/8/2019 mà yêu cầu Tòa mình ông Đ có nghĩa vụ trả cho ngân hàng. Xét thấy, hợp đồng trên là do một mình ông Đ ký kết, không có chứng cứ nào chứng minh bà H có biết và sử dụng số tiền nợ này, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Hình thức và nội dung Theo Hợp đồng tín dụng số LD1830000053, ngày ký 27/10/2018; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 01 ngày 06/9/2019 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 02 ngày 04/12/2019 mà hai bên ký kết phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, lỗi suất được tính theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hợp đồng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày các bên xác lập.

Sau khi ký kết các Hợp đồng trên, ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H đã nhận đủ số tiền 1.970.000.000 đồng (*một tỷ chín trăm bảy mươi nghìn đồng*), từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H chưa thanh toán được đồng nào tiền lãi. Vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc vào ngày 07/12/2020.

Đối với Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD 1921300452 vào ngày 01/8/2019 (cho vay tiêu dùng không áp dụng biện pháp bảo đảm), số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*). Ông Đ đã trả được 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc và tiền lãi đến ngày 01/01/2021 là 4.439.198 đồng (*bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn một trăm chín mươi tám đồng*). Từ đó cho đến nay ông Đ không trả nợ gốc và lãi nữa.

Việc bị đơn không thanh toán số tiền còn nợ theo những hợp đồng đã ký kết cho ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Gia Lai thông qua Phòng giao dịch S khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1830000053, ngày 27/10/2018, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 01 ngày 06/9/2019 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 02 ngày 04/12/2019 gồm: Nợ gốc là 1.970.000.000 đồng (*một tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tính từ ngày 07/12/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 675.870.938 đồng (*sáu trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn chín trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó, nợ lãi trong hạn được tính 07/12/2019 cho đến ngày 06/12/2020 là 193.793.534 đồng (*một trăm chín mươi ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi tư đồng*); nợ lãi quá hạn được tính từ ngày 07/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 451.548.281 (*bốn trăm năm mươi một triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm tám mươi một đồng*) và lãi phạt được tính từ ngày 07/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 30.529.123 đồng (*ba mươi triệu năm trăm hai mươi chín nghìn một trăm hai mươi ba đồng*). Tổng cộng: 2.645.870.938 đồng (*Hai tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn chín trăm ba mươi tám đồng*).

Buộc ông Đặng Văn Đ phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Gia Lai thông qua Phòng giao dịch S khoản nợ của Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD 1921300452: nợ gốc là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tính từ ngày 02/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.393.537 đồng (*Bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ lãi trong hạn theo hợp đồng được tính 02/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 2.159.589 đồng (*Hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng*); nợ lãi quá hạn được tính từ ngày 02/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 1.971.785 đồng (*Một triệu chín trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*) và lãi phạt được tính từ ngày 07/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 262.763 đồng (*Hai trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng*). **Tổng cộng: 14.393.537 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*).**

[3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hình thức và nội dung theo Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1030/2018/PGD-CS ngày 28/11/2018; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1031/2018/PGD-CS ngày 28/11/2018 được công chứng ngày 28/11/2018 tại Văn phòng công chứng S, tỉnh Gia Lai; Hợp đồng thế chấp tài sản số 673/2019/PGD-CS ngày 06/9/2019 được công chứng ngày 28/11/2018 tại Văn phòng công chứng S và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01 ngày 04/12/2019 được công chứng ngày 28/11/2018 tại Văn phòng công chứng S, tỉnh Gia Lai, giữa Ngân hàng với ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 317, 318 và Điều 319 Bộ luật Dân sự.

Ngày 07/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Chư Sê đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả như sau: các thửa đất, các tờ bản đồ, vị trí thửa đất, tờ bản đồ đất phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 501474; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 951752 ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 951748; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 420464; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R760700. Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ tài sản không có tranh chấp với bên thứ ba nên Hội đồng xét xử công nhận Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

Vậy nên, Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho mà ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 501474; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 951752; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 951748; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 420464; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R760700 đã thế chấp khi ông bà thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng số LD1830000053, ngày 27/10/2018, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 01 ngày 06/9/2019 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 02 ngày 04/12/2019 theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Dân sự. Trong trường hợp ông bà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ theo Điều 299 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Trường hợp sau khi Ngân hàng bán tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền nợ gốc, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí Tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

[4]. Về chi phí Xem xét thẩm định tại chỗ: ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đ (*bảy triệu đồng*). Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí này. Do đó, cần buộc ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ thanh toán lại 7.000.000 đ (*bảy triệu đồng*) cho Ngân hàng, phù hợp với Điều 155, 156, 157 và 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí:

- Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đối với số nợ của Hợp đồng tín dụng có thế chấp buộc ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 84.917.419 đồng (*tám mươi bốn triệu chín trăm mười bảy nghìn bốn trăm mười chín đồng*) $\{ [72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times (2.645.870.938 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng})]$ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Đối với số nợ của Hợp đồng tín dụng chấp buộc ông Đặng Văn Đ phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 719.676 đồng (*bảy trăm mười chín nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng*) $[(14.393.537 \text{ đồng} \times 5\%)]$ để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Gia Lai thông qua Phòng giao dịch S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 322, 357, 463, 466, 467, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Gia Lai thông qua Phòng giao dịch S khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1830000053, ngày 27/10/2018, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 01 ngày 06/9/2019 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 02 ngày 04/12/2019 gồm: Nợ gốc là 1.970.000.000 đồng (*một tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tính từ ngày 07/12/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 675.870.938 đồng (*sáu trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn chín trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó, nợ lãi trong hạn được tính 07/12/2019 cho đến ngày 06/12/2020 là 193.793.534 đồng (*một trăm chín mươi ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi tư đồng*); nợ lãi quá hạn được tính từ ngày 07/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 451.548.281 (*bốn trăm năm mươi một triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm tám mươi một đồng*) và lãi phạt được tính từ ngày 07/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 30.529.123 đồng (*ba mươi triệu năm trăm hai mươi chín nghìn một trăm hai mươi ba đồng*). Tổng cộng: 2.645.870.938 đồng (*Hai tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn chín trăm ba mươi tám đồng*).

Buộc ông Đặng Văn Đ phải thanh toán cho ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Gia Lai thông qua Phòng giao dịch S khoản nợ của Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD 1921300452: nợ gốc là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tính từ ngày 02/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.393.537 đồng (*Bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ lãi trong hạn theo hợp đồng được tính 02/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 2.159.589 đồng (*Hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng*); nợ lãi quá hạn được tính từ ngày 02/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 1.971.785 đồng (*Một triệu chín trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*) và lãi phạt được tính từ ngày 07/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 5/7/2022 là 262.763 đồng (*Hai trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng*). **Tổng**

cộng: 14.393.537 đồng (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”. (Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 11.155.689 đồng (mười một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng).

3. Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho mà ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 501474; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 951752; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 951748; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 420464; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R760700 đã thế chấp khi ông bà thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng số LD1830000053, ngày 27/10/2018, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 01 ngày 06/9/2019 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1830000053 - 02 ngày 04/12/2019. Trong trường hợp ông bà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi ngân hàng bán tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền nợ gốc, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí Tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H phải thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Gia Lai thông qua Phòng giao dịch S chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đ (bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

Buộc ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 84.917.419 đồng (tám mươi bốn triệu chín trăm mười bảy nghìn bốn trăm mười chín đồng); Buộc ông Đặng Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 719.676 đồng (bảy trăm mười chín nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Gia Lai thông qua Phòng giao dịch S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.806.062 đồng (Ba mươi tám triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) theo Biên lai thu

tiền số 0011351 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Chư Sê;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Dậu